

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Cảng Đồng Nai

Ngày 31/03/2025	135,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	18.4%	30.8%	23.9%

DT thuần Q1/25
354
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.0 -3.9%
YoY: ▲ 41.0 13.3%

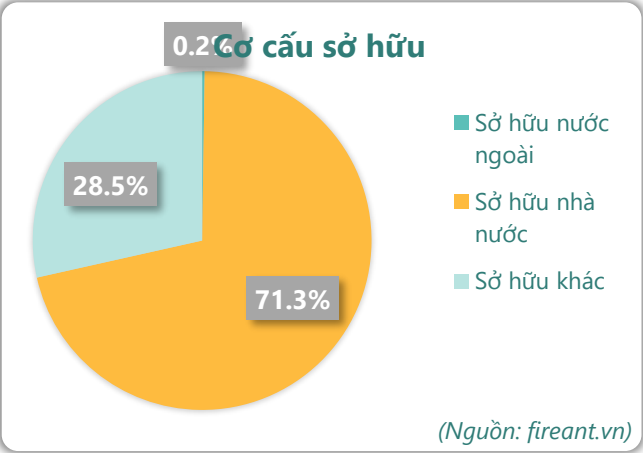
LN thuần Q1/25
124
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.0 11.6%
YoY: ▲ 20.0 19.1%

LN sau thuế Q1/25
99.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.2 14.1%
YoY: ▲ 14.1 16.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
35.3%
YoY: +/-▲ 4.8%

ROE (TTM) Q1/25
30.8%
YoY: +/-▼ 0.2%

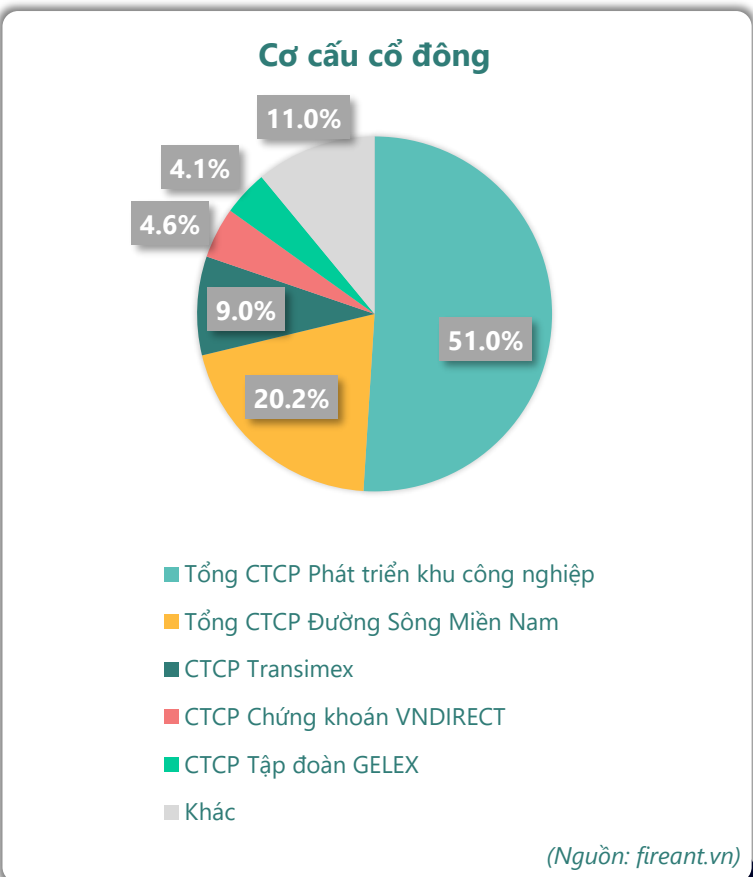
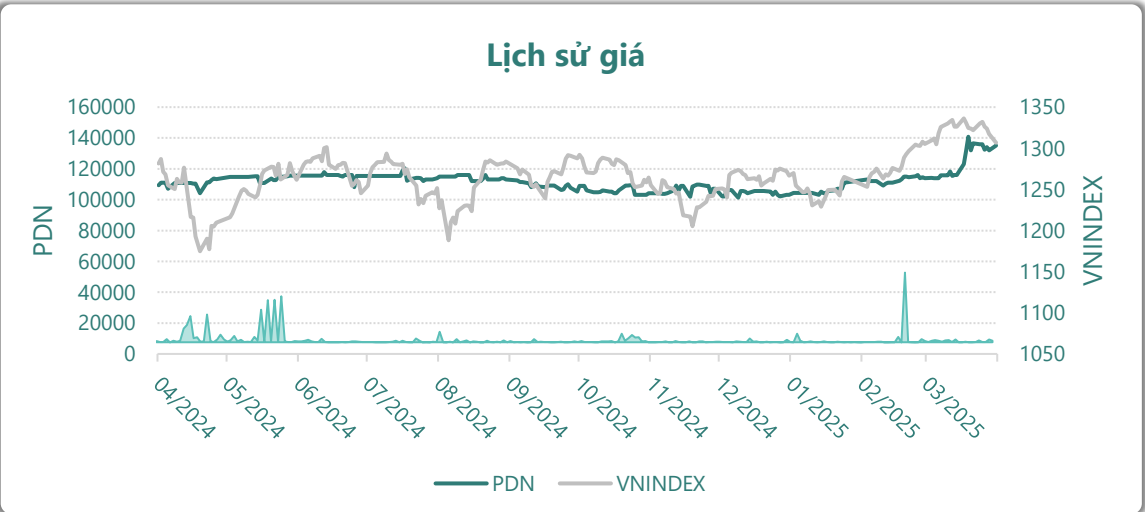
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	101,322 - 140,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,001
Số lượng CPLH (CP)	37,043,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,720
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	
EPS	9,758
P/E	13.8



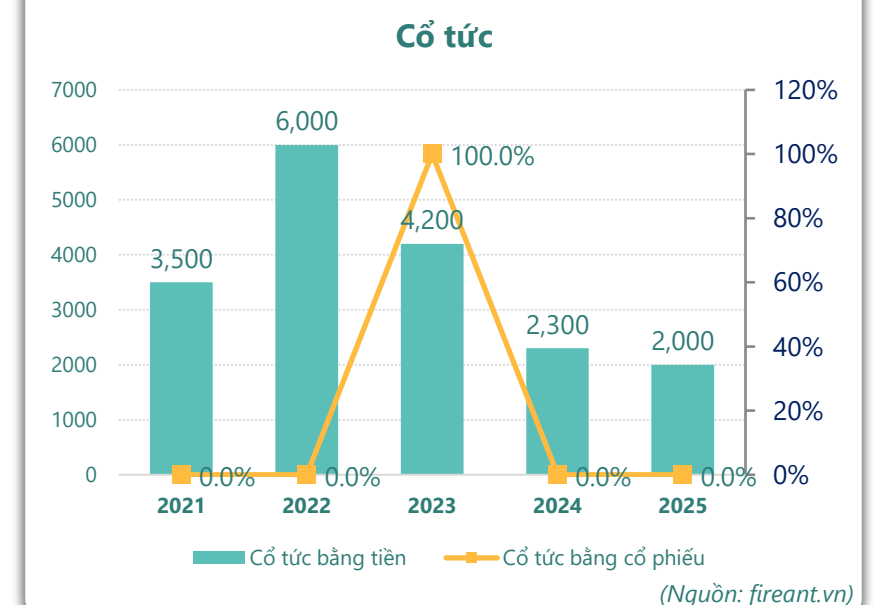
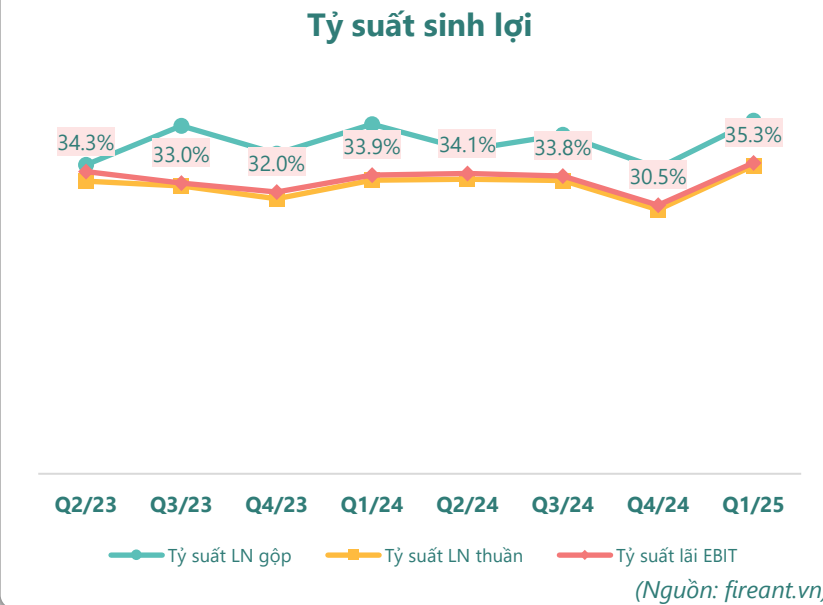
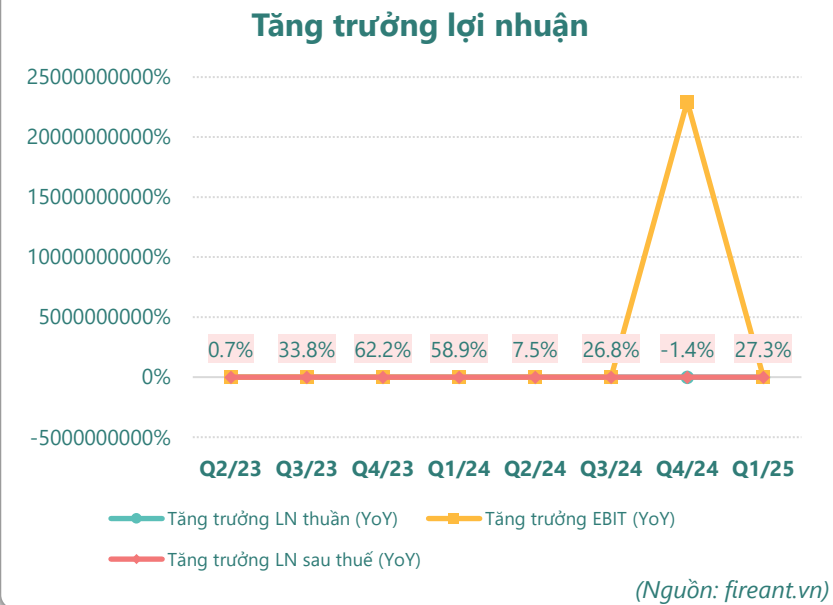
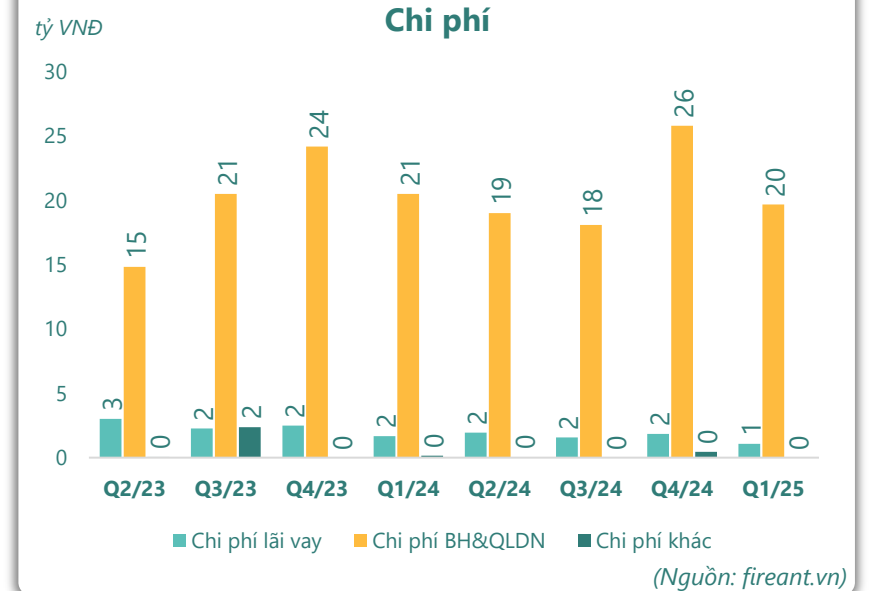
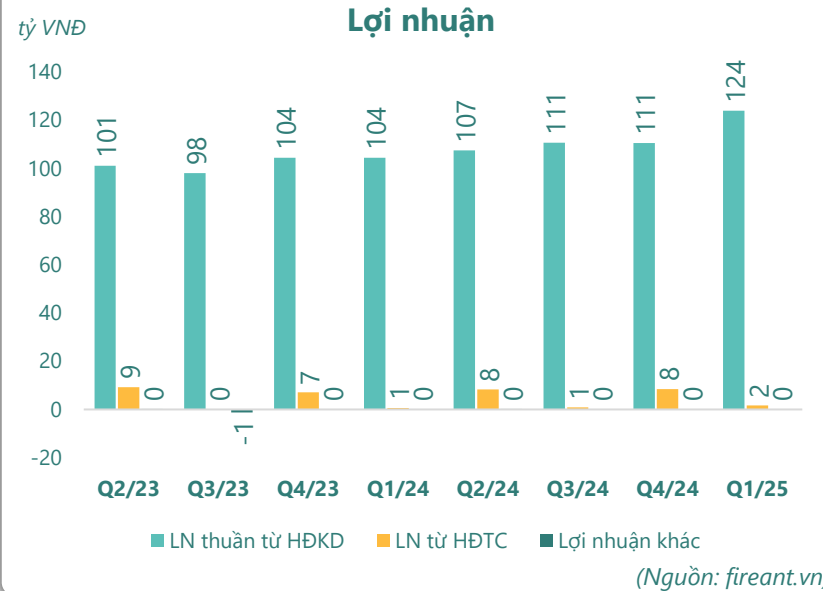
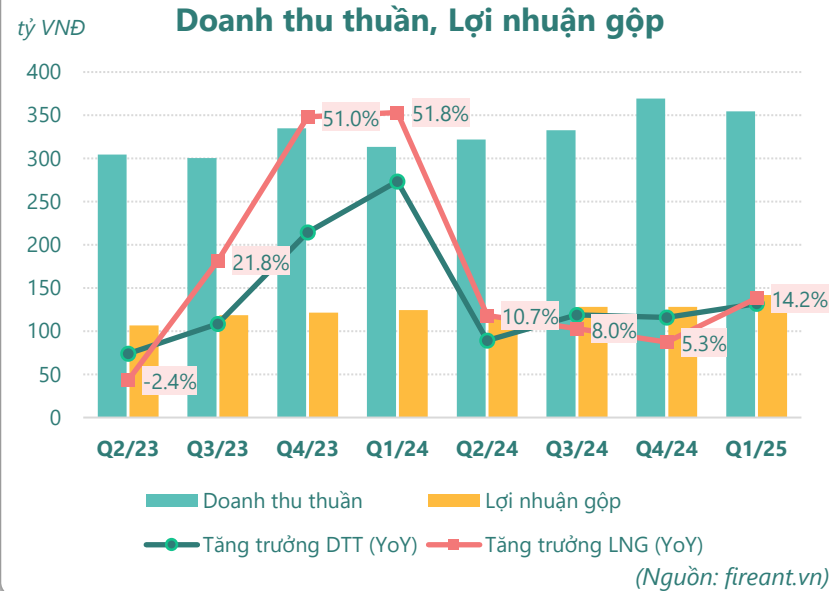
DT thuần 2024
1,337
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 170 14.6%

LN thuần 2024
433
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.0 17.3%

LN sau thuế 2024
347
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 52.0 17.9%



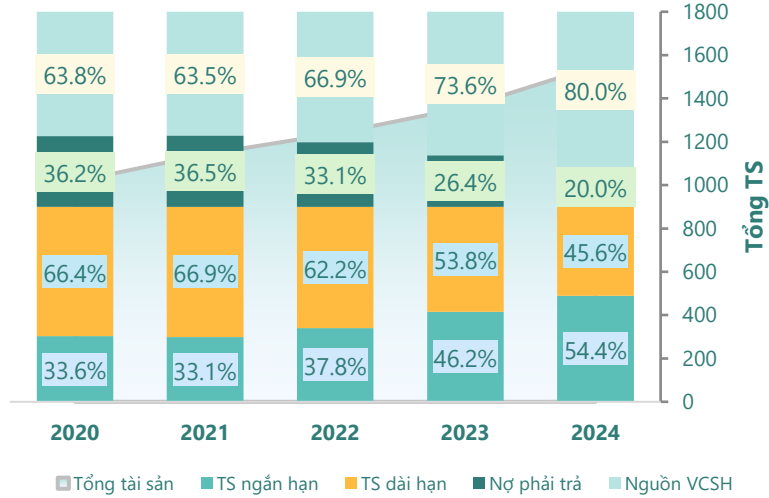
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

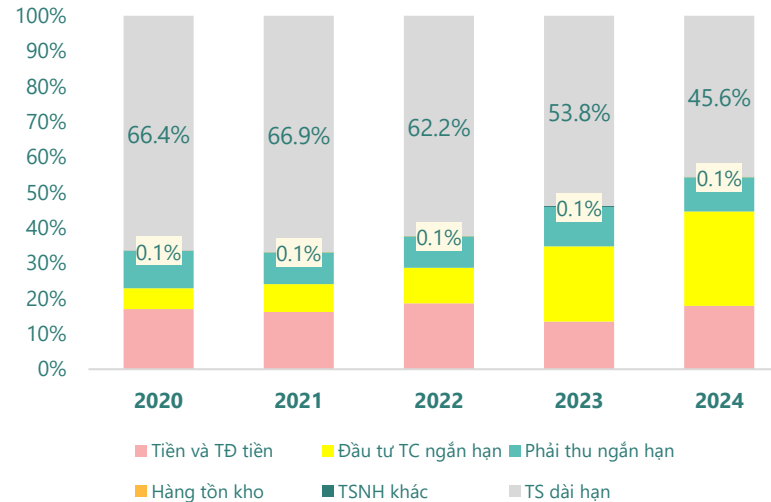
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

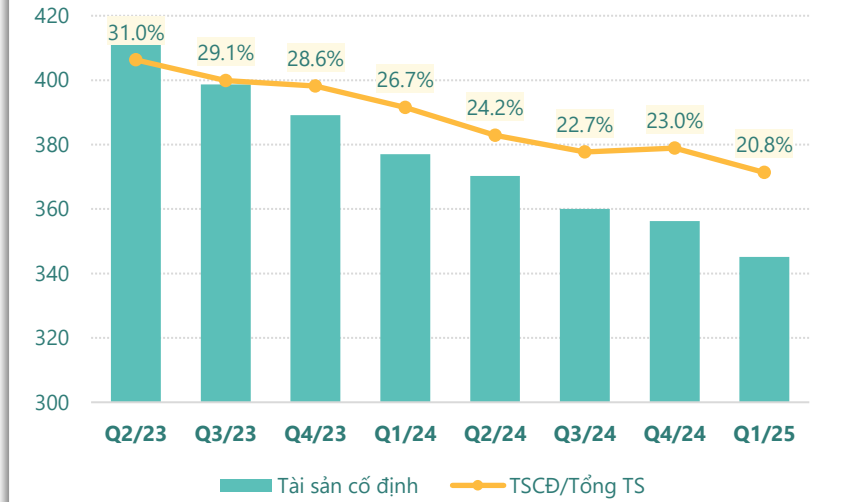
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

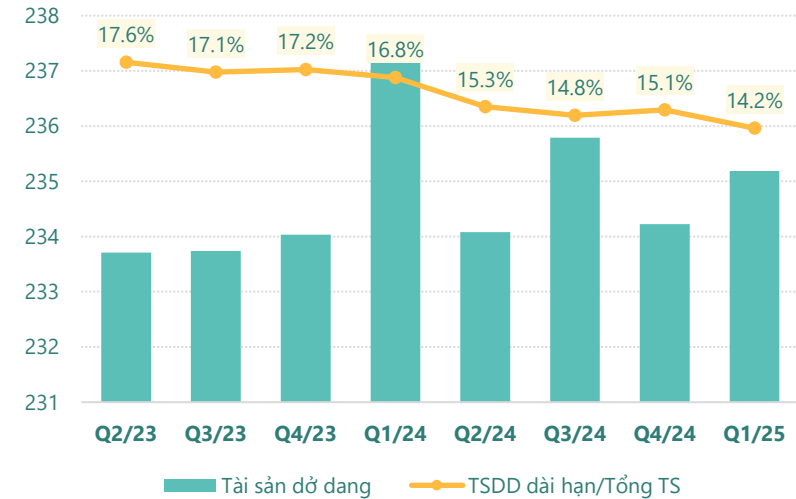
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

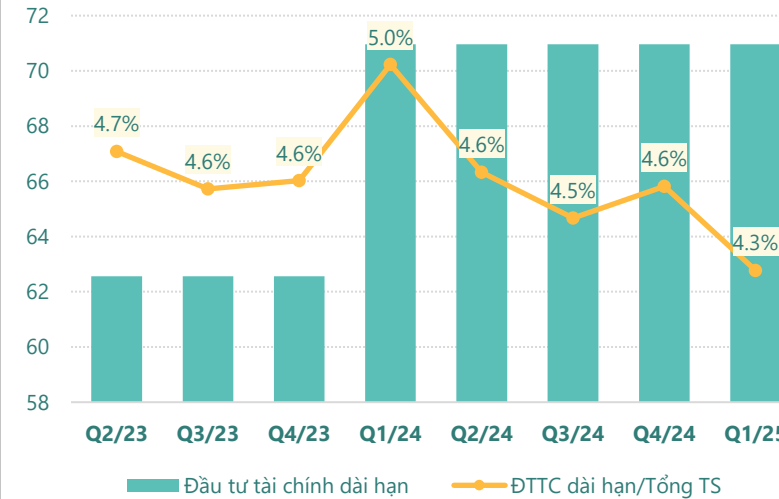
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

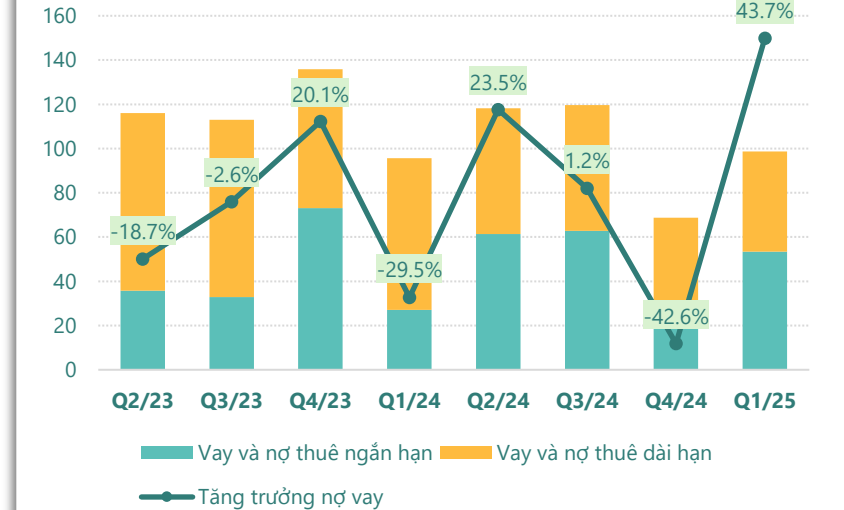
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

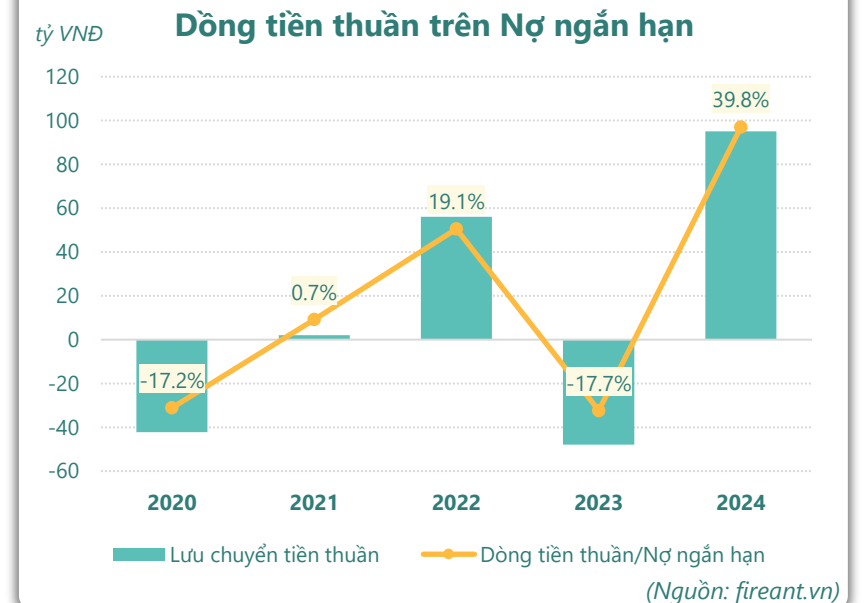
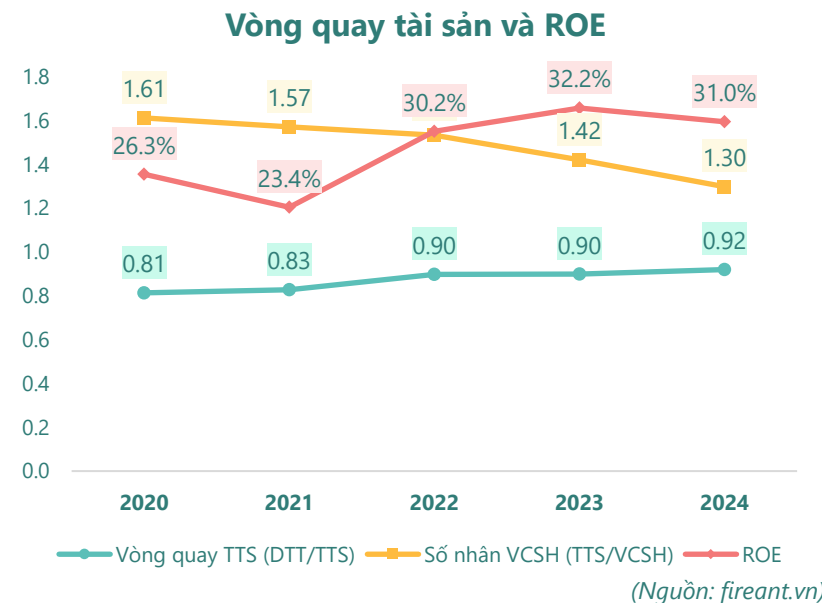
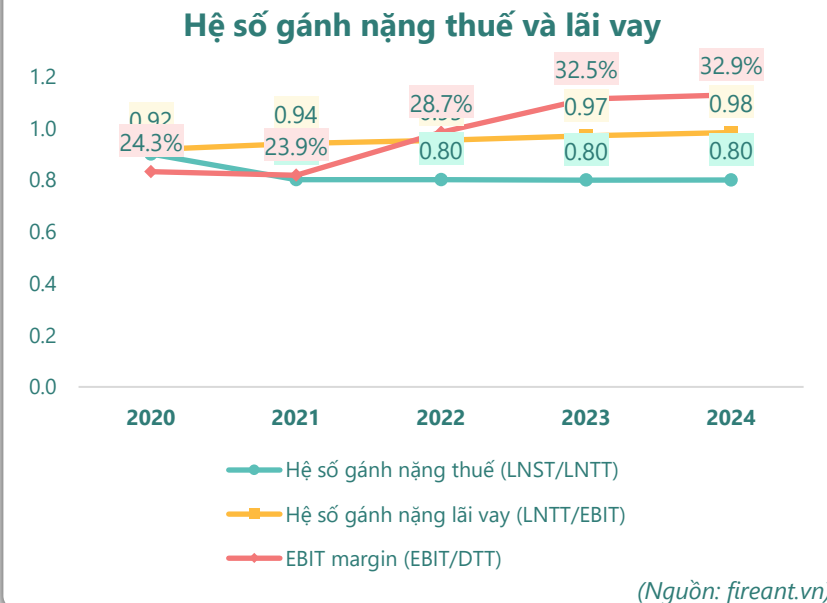
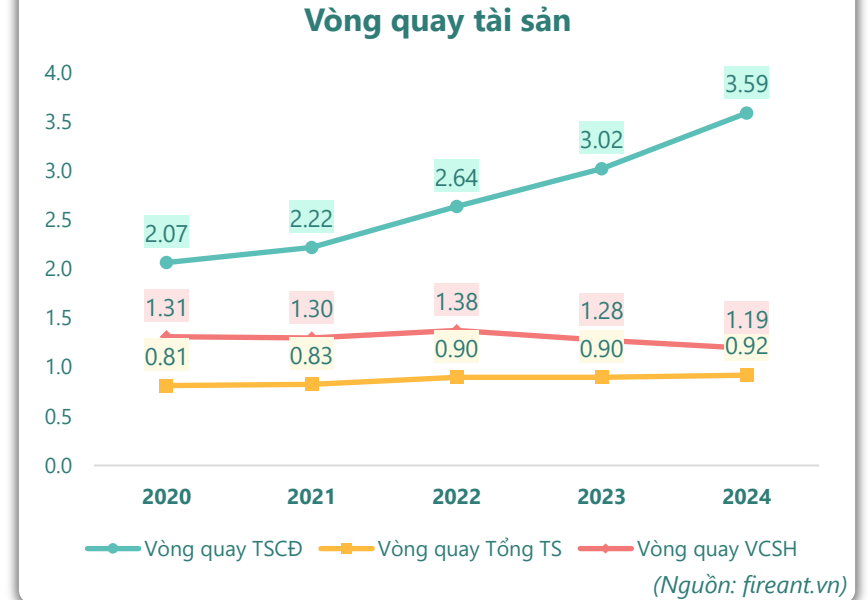
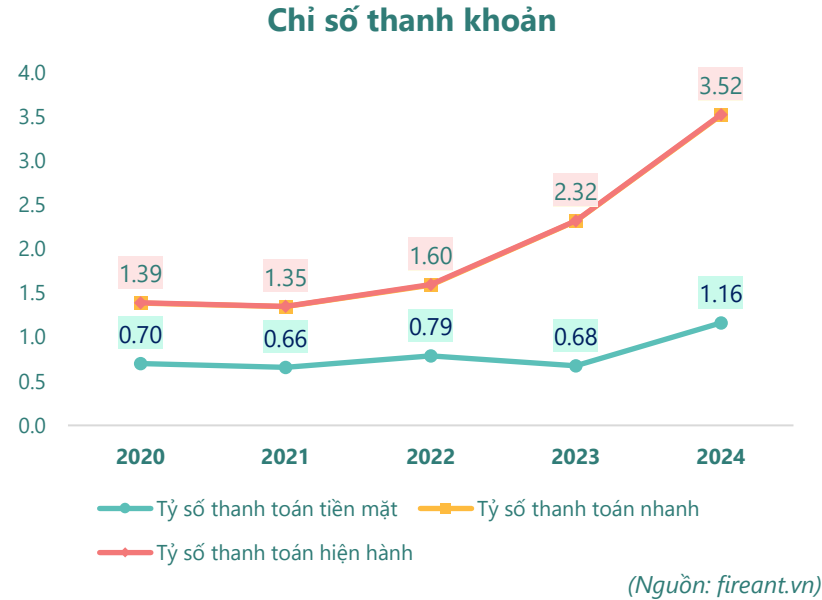
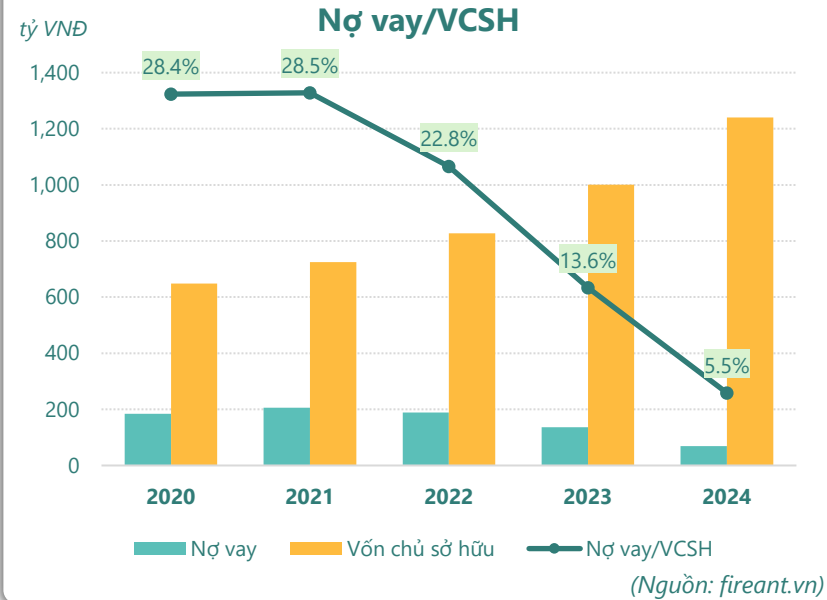
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	354	313	13.3%	1,337	1,167	14.6%
Giá vốn hàng bán	213	189	12.5%	839	738	13.6%
Lợi nhuận gộp	142	124	14.5%	499	429	16.3%
Doanh thu HĐTC	2.73	2.34	16.8%	25.1	25.8	-2.8%
Chi phí TC	1.09	1.69	-35.7%	7.08	10.9	-34.9%
Chi phí lãi vay	1.08	1.68	-35.7%	7.04	10.9	-35.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.94	7.35	-46.3%	22.3	21.2	4.9%
Chi phí QLDN	15.7	13.2	19.3%	61.2	53.3	14.7%
LN thuần từ HĐKD	124	104	19.1%	433	369	17.3%
Lợi nhuận khác	0.05	0.06	-17.8%	0.43	-0.91	147%
LN trước thuế	124	104	19.2%	434	368	17.7%
Lợi nhuận sau thuế	99.1	85.0	16.6%	347	295	17.9%
LNST của CĐ cty mẹ	99.1	85.0	16.6%	347	295	17.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.11	79.9	93.4	148	60.2	83.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.45	-38.4	-43.9	-3.24	-48.8	-109
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.7	-40.1	22.5	-83.7	-51.0	-2.26
Tiền đầu kỳ	198	183	184	256	317	278
Lưu chuyển tiền thuần	-15.0	1.39	72.0	61.3	-39.6	-28.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	0	0	0	0.17	0
Tiền cuối kỳ	183	184	256	317	278	250

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,659	1,549	7.1%
Tài sản ngắn hạn	964	843	14.3%
Tiền và tương đương tiền	250	278	-10.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	522	413	26.4%
Phải thu ngắn hạn	189	150	26.3%
Hàng tồn kho	1.26	1.74	-27.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.46	0.43	241%
Tài sản dài hạn	695	706	-1.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	345	356	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	235	234	0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.0	71.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	43.9	44.3	-0.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	394	309	27.6%
Nợ ngắn hạn	325	239	35.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.5	23.5	128%
Phải trả người bán ngắn hạn	109	91.1	19.2%
Nợ dài hạn	69.8	69.8	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	45.2	45.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,265	1,240	2.0%
Vốn chủ sở hữu	1,265	1,240	2.0%
Vốn điều lệ	370	370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

